

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-PT

Ngày: 06/01/2026

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài
sản là quyền sử dụng đất và
tài sản trên đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh - Bà Tòng Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc; Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/DS-PT/2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025, số 23/DS-PT/2025 ngày 24 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lò Thị T, sinh năm 1966; chị Quàng Thị Thu H, sinh năm 1987; chị Quàng Thị G, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ , phường CA, tỉnh Sơn La. Bà Lò Thị T (có đơn xin xét vắng mặt) ủy quyền cho chị Quàng Thị Thu H (giấy ủy quyền ngày 18 tháng 6 năm 2025) chị H, chị G (đều có mặt).

2. Bị đơn: Ông Quàng Văn L sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ, phường C A, tỉnh Sơn La (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Quàng Thị H, sinh năm 1977, địa chỉ: Bản H, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Quàng Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: Bản PT, Chiềng Đen, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Quàng Văn Y, sinh năm 1961 và bà Lò Thị X, địa chỉ: Tổ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Quàng Thị V (B), sinh năm 1951, địa chỉ: Tổ 4, phường CA, tỉnh Sơn La (có mặt).

- Bà Quàng Thị D(Quàng Thị D), sinh năm 1953, địa chỉ: Tổ, phường C A, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Quàng Văn H (Hoàng Mạnh H), sinh năm 1957, địa chỉ: Tổ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người làm chứng: Ông Lò Văn L, sinh năm 1958, địa chỉ: Tổ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La. (Tòa án không triệu tập).

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị G trình bày:

Cụ Quàng Văn X và cụ Quàng Thị M sinh được 09 người con là Quàng Văn T, Quàng Văn H, Quàng Thị B, Quàng Thị D, Quàng Văn Y, Quàng Thị H, Quàng Văn L, Quàng Thị H, Quàng Văn H. Cụ Quàng Văn X (chết ngày 04/03/2012) và Quàng Thị M (chết ngày 01/8/2012), ông Quàng Văn H (chết năm 2008), ông Quàng Văn T chết năm 2019. Ông T có vợ là bà Lò Thị T và 02 người con là Quàng Thị Thu H và Quàng Thị G. Năm 2012, cụ Quàng Văn X (chết ngày 04/03/2012) và cụ Quàng Thị M (chết ngày 01/8/2012) không để lại di chúc chia lại tài sản cho các con.

Năm 1990, vợ chồng bà T, ông T được hai cụ chia cho diện tích đất khoảng hơn 300m² để sử dụng và canh tác từ năm 1990 đến năm 2019 thì ông Quàng Văn T mất. Ngày 15/05/2021, ông Quàng Văn L (con trai của ông Quàng Văn X, cùng 06 anh chị em trong nhà mồ ba mẹ con xuống thông báo sẽ thu hồi lại đất không cho ba mẹ con sử dụng (với lý do 06 người con của ông X đã trao quyền thừa kế cho ông Quàng Văn L theo lời ông bà dặn trước khi mất, nhưng không đưa ra được di chúc hợp pháp và chứng cứ đủ tính pháp lý. Gia đình bà và các chị không đồng ý với lý do của ông Quàng Văn L đưa ra, sau đó đã nhờ tổ hoà giải của tổ 4, phường Chiềng An và UBND phường Chiềng An, tỉnh Sơn La hoà giải nhưng không thành.

Hiện tại có 04 người đang quản lý sử dụng đất bao gồm: Bà Lò Thị T và ông Quảng Văn T đã chết, Quảng Văn Y, Quảng Thị D, Quảng Văn L, công sức đóng góp với việc quản lý di sản như nhau, thờ cúng ông bà là do bốn gia đình cùng thờ cúng: Quảng Văn H, Quảng Văn Y, Quảng Văn T, Quảng Văn L. Khi ông bà chết trên đất có tài sản ngôi nhà sàn cùng tài sản trên đất cây cối ăn quả....Khi ông bà chết không có ai phải thanh toán bất cứ nợ nần với cá nhân, tổ chức nào, diện tích đất yêu cầu thừa kế không tranh chấp với cá nhân hay tổ chức nào. Về chi phí lo mai táng, xây mộ của cụ X, cụ M đã được các con lo liệu xong, không ai có ý kiến gì. Các chi phí trên không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Về nghĩa vụ nộp thuế: Nguyên đơn không nộp cũng không biết ai là người nộp. Về nghĩa vụ nợ; cụ X, cụ M khi mất không để lại nghĩa vụ nợ.

Đề nghị Toà án phân chia di sản thừa kế của hai cụ Quảng Văn X và Quảng Thị M theo quy định của pháp luật. Bà và các con đề nghị được hưởng 1/8 phần thừa kế của cụ Quảng Văn X bao gồm: Ngôi nhà sàn và thửa đất rộng 4394m² mang tên cụ Quảng Văn X theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số N561115 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 04/11/1998 cùng tài sản gắn liền với đất do là người thừa kế thế vị của ông Quảng Văn T. Tổng số di sản của hai cụ trị giá khoảng 100 triệu đồng, kỷ phần bà và hai con được hưởng khoảng 12 triệu đồng.

Tại phiên toà ngày 18/9/2025, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án chia thừa kế theo diện tích hiện trạng đo đạc thực tế đã được các bên nhất trí tại buổi xem xét đo đạc ngày 16/6/2022. Nguyên đơn xác định tất cả diện tích đất được đo đạc đều thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông Quảng Văn X và đề nghị Toà án chia thừa kế, nguyên đơn được hưởng 1/8 tổng số tài sản chia thừa kế. Đối với diện tích đất lúa 532,8m² và đất nương 3.295,4m² xứ đồng Noong Lìn, theo nguyên đơn là chỉ thuộc một thửa đất và khi đo đạc chỉ đo đạc một lần. Đối với ngôi nhà sàn, nguyên đơn nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá đã hết giá trị hao mòn, nên không yêu cầu chia thừa kế. Đối với tài sản trên đất là cây trồng, nguyên đơn cũng không xác định được cụ thể nên không yêu cầu chia đôi với tài sản trên đất là cây trồng.

Tại bản tự khai và tại phiên toà, bị đơn ông Quảng Văn L trình bày:

Bị đơn nhất trí với trình bày của nguyên đơn thời điểm cụ X, cụ M chết, thời điểm mở thừa kế của cụ X, cụ M; nhất trí về hàng thừa kế, những người được hưởng thừa kế của cụ X, cụ M. Ông không nhất trí với nội dung yêu cầu của nguyên đơn về phân chia di sản của cụ Quảng Văn X và Quảng Thị M. Vì phần di sản này bố mẹ ông để lại, đã giao cho ông quản lý, đã dặn ông cùng toàn thể anh chị em trong gia đình không phân chia phần di sản này cho bất kỳ ai ngoài ông. Những gì cần phân chia, bố mẹ ông đã chia đủ cho các con. Vấn đề này toàn bộ anh chị em trong gia đình ông đều được biết và đã có sự thống nhất giao cho ông quản lý và sử dụng toàn bộ phần di sản thừa kế của bố mẹ ông. Từ khi bố mẹ ông còn sống thì các cụ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với toàn thể các con, đã chia đất cho các con ở ổn định riêng.

Năm 2010 trước khi cụ X giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông quản lý thì cụ đã gọi toàn thể các con đến để họp và tuyên bố chia phần thừa kế của từng người con. Riêng ông Quàng Văn H và ông Quàng Văn T thì ông đã chia đất và làm nhà cho ra ở riêng và đã làm sổ đỏ cho từng người. Còn ông và Quàng Văn Y, Quàng Thị D được chia làm 3 phần đất có ranh giới rõ ràng, cụ thể tất cả các phần đất vẫn nằm trong sổ đỏ mang tên ông Quàng Văn X và giao cho ông quản lý. Chỗ vườn ông Quàng Văn T đang canh tác bố ông đã nói rõ ràng cho ông T mượn và không phải là chia cho ông T vì đã có phần đất được chia rồi. Chỗ vườn này là ông Y cho mượn để canh tác trồng rau, chỗ vườn đó bố ông giao cho ông quản lý, có cho ai hay không là do ông quyết định. Đối với thửa đất số 2, 2a, tờ bản đồ số 356-16, phần diện tích đất vườn (khu vườn bưởi) từ sau tường nhà ông Y đến trước nhà bà D, nguyên đơn cho rằng trước đây cụ X, cụ M đã cho ông T và nguyên đơn có trồng cây cối trên đất. Ông không có nhu cầu quản lý, sử dụng số cây cối trồng trên đất, nguyên đơn cũng không xác định chính xác số lượng cây cối trên đất nên ông yêu cầu nguyên đơn phải có trách nhiệm đi rới cây cối, tài sản trên đất (nếu có) và bàn giao lại diện tích đất trên cho ông quản lý, sử dụng.

Tất cả những người con gái khác của bố mẹ ông là Quàng Thị B, Quàng Thị H, Quàng Thị H đã lấy chồng và về nhà chồng, mọi người cũng không có ý kiến gì thêm. Tất cả các con đã được nghe và đều thống nhất là nghe và làm theo lời dặn dò của bố mẹ ông. Cho đến năm 2019, ông bị bà Lò Thị T và Quàng Thị Thu H là vợ con của ông Quàng Văn T đã kiện ông để đòi chia di sản thừa kế của ông Quàng Văn X đã giao cho ông quản lý. Sự việc này đã được chính quyền, tổ bản và cấp phường giải quyết nhưng hoà giải không thành.

Tại biên bản họp gia đình ngày 10/01/2020, các con của cụ Quàng Văn X Quàng Thị M bao gồm: Ông Quàng Văn H là con trai trưởng, bà Quàng Thị B, Quàng Thị D, ông Quàng Văn Y, bà Quàng Thị H, ông Quàng Văn L, bà Quàng Thị H đã họp bàn để hoàn thành thủ tục hưởng thừa kế tài sản đất đai của cụ Quàng Văn X và cụ Quàng Thị M để lại. Các anh chị em trong gia đình đã thống nhất nhất trí cho ông Quàng Văn L là con trai út của cụ X và cụ M được hưởng thừa kế tài sản và đất đai của ông X, bà M để lại bao gồm: 01 căn nhà sàn; 01 sổ đỏ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 4/11/1998, tổng số đất trong sổ đỏ là 4.394m² đất. Kể từ ngày ông Quàng Văn L được quyền sử dụng đất đai, tài sản nói trên ông L có trách nhiệm tách sổ đỏ cho ông Y vì đất của ông Quàng Văn Y làm nhà là ở trong quyền sổ đỏ này nhưng chưa được tách sổ.

Ông là người trực tiếp ở với cụ X và cụ M cho đến khi bố mẹ ông chết, khi bố mẹ ông chết thì trên đất có nhà của ông và của ông Quàng Văn Y, bà Quàng Thị D cùng sinh sống và canh tác, nhưng đã được phân chia ranh giới rõ ràng do cụ X đã chia cho các con từ khi còn sống và đất của ai thì người đó quản lý từ đó tới giờ. Ông là người trực tiếp lo thờ cúng, giỗ tết đối với cụ X, cụ M. Khi cụ X còn sống thì cụ là người thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất theo quy định

của nhà nước, sau khi cụ X mất thì ông là người chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ này. Về chi phí lo mai táng, xây mộ của cụ X, cụ M đã được các con lo liệu xong, không ai có ý kiến gì, không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quảng Văn Y trình bày:*

Ông hoàn toàn nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế. Về phân chia di sản thừa kế phải thực hiện theo lời dặn của cụ X, cụ M, theo biên bản họp gia đình ngày 10/01/2020 và văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản.

Ông không nhất trí đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn, lý do khi bố mẹ ông còn sống đã giao cho em trai ông là Quảng Văn L được thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này và đã dặn lại Quảng Văn L cùng toàn thể anh chị em nhà ông là không được phân chia phần di sản này cho bất kỳ ai ngoài Quảng Văn L là em trai ông và toàn bộ anh chị em đã thực hiện đúng lời dặn của bố mẹ ông. Toàn thể anh chị em và ông đã thống nhất và giao phần di sản này cho em trai ông là Quảng Văn L được hưởng thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này. Vì vậy khẳng định phần di sản này thuộc quyền sở hữu của em trai ông là Quảng Văn L và em trai ông Quảng Văn L là người duy nhất được hưởng thừa kế phần di sản này. Đối với diện tích đất trước đây ông T (đã mất) sử dụng là do anh em cho mượn đất để làm vườn. Và đối với các con ông X bà M đều đã chia đất cho làm nhà ổn định, diện tích đất còn lại đã thống nhất thuộc quyền quản lý sử dụng của một mình ông Quảng Văn L và đã có văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản.

Đối với diện tích đất của cụ Quảng Văn X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bao gồm nhà ông, mà từ sau tường nhà ông trở về sau. Đối với diện tích nhà, đất của ông đang quản lý sử dụng ổn định từ trước đến nay, bao gồm ranh giới từ đường nhựa và hết tường ngôi nhà gạch có diện tích 137,2m², không có tranh chấp, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông không nhất trí chia di sản thừa kế theo pháp luật, nhất trí ý kiến của những người liên quan khác là toàn bộ các anh chị em đã thống nhất, nhất trí để ông Quảng Văn L được quản lý, sử dụng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận mang tên cụ Quảng Văn X. Sau khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật thì ông cùng ông Y và bà D sẽ tự thống nhất phân chia ranh giới nhà đất để tách bìa. Ông nhất trí giao toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Quảng Văn X cho ông Quảng Văn L quản lý, sử dụng. Trong trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật, ông tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Quảng Văn L.

** Tại phiên toà ngày 18/9/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị X (là vợ ông Quảng Văn Y) trình bày:* Hoàn toàn nhất trí với toàn bộ ý kiến của ông Quảng Văn Y, không có ý kiến gì khác.

** Tại bản tự khai và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quảng Văn H trình bày:*

Ông hoàn toàn nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người liên quan về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế. Về phân chia di sản thừa kế phải thực hiện theo lời dặn của cụ X, cụ M, theo biên bản họp gia đình ngày 10/01/2020 và văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản.

Ông không nhất trí đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn, lý do khi bố mẹ ông còn sống đã giao cho em trai ông là Quảng Văn L được thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này. Tại biên bản họp gia đình anh chị em đã nhất trí giao toàn bộ tài sản của bố mẹ ông để lại cho ông Quảng Văn L quản lý, sử dụng. Đối với diện tích đất trước đây ông T (đã mất) sử dụng là do anh em cho mượn đất để làm vườn. Đối với các con đều đã được cụ X cụ M chia đất cho làm nhà ổn định, diện tích đất còn lại đã thống nhất thuộc quyền quản lý sử dụng của một mình ông Quảng Văn L và đã có văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản. Ông nhất trí giao toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Quảng Văn X cho ông Quảng Văn L quản lý, sử dụng. Trong trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật, ông tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Quảng Văn L.

** Tại bản tự khai và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quảng Thị H trình bày:*

Bà hoàn toàn nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người liên quan về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế. Về phân chia di sản thừa kế phải thực hiện theo lời dặn của cụ X, cụ M, theo biên bản họp gia đình ngày 10/01/2020 và văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản.

Bà không nhất trí đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn, lý do khi bố mẹ bà còn sống đã giao cho em trai bà là Quảng Văn L được thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này. Tại biên bản họp gia đình anh chị em bà đã nhất trí giao toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại cho ông Quảng Văn L quản lý, sử dụng. Đối với diện tích đất trước đây ông T (đã mất) sử dụng là do anh chị em cho mượn đất để làm vườn. Đối với các con đều đã được cụ X cụ M chia đất cho làm nhà ổn định, diện tích đất còn lại đã thống nhất thuộc quyền quản lý sử dụng của một mình ông Quảng Văn L và đã có văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản. Bà nhất trí giao toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Quảng Văn X cho ông Quảng Văn L quản lý, sử dụng. Trong trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật, Bà tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Quảng Văn L.

** Tại bản tự khai và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quảng Thị V(B) trình bày:*

Bà hoàn toàn nhất trí với trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người liên quan về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế. Về phân chia di sản thừa kế phải

thực hiện theo lời dặn của cụ X, cụ M, theo biên bản họp gia đình ngày 10/01/2020 và văn bản thoả thuận thừa kế tài sản.

Bà không nhất trí đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn, lý do khi bố mẹ bà còn sống đã giao cho em trai bà là Quàng Văn L được thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này. Tại biên bản họp gia đình anh chị em đã nhất trí giao toàn bộ tài sản của bố mẹ để lại cho ông Quàng Văn L quản lý, sử dụng. Đối với diện tích đất trước đây ông T (đã mất) sử dụng là do anh em cho mượn đất để làm vườn. Đối với các con đều đã được cụ X cụ M chia đất cho làm nhà ổn định, diện tích đất còn lại đã thống nhất thuộc quyền quản lý sử dụng của một mình ông Quàng Văn L và đã có văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản. Bà nhất trí giao toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Quàng Văn X cho ông Quàng Văn L quản lý, sử dụng. Trong trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật, bà tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Quàng Văn L.

** Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị D trình bày:*

Bà không nhất trí đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn, lý do khi bố mẹ bà còn sống đã giao cho em trai bà là Quàng Văn L được thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này và đã dặn lại Quàng Văn L cùng toàn thể anh chị em là không được phân chia phần di sản này cho bất kỳ ai ngoài Quàng Văn L là em trai bà và toàn bộ anh chị em đã thực hiện đúng lời dặn của bố mẹ chúng tôi. Toàn thể anh chị em bà đã thống nhất và giao phần di sản này cho em trai bà là Quàng Văn L được hưởng thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này. Vì vậy bà khẳng định phần di sản này thuộc quyền sở hữu của em trai bà là Quàng Văn L là người duy nhất được hưởng thừa kế phần di sản. Đối với diện tích đất trước đây ông T (đã mất) sử dụng là do anh em cho mượn đất để làm vườn, các con ông X bà M đều đã chia đất cho làm nhà ổn định, diện tích đất còn lại đã thống nhất thuộc quyền quản lý sử dụng của một mình ông Quàng Văn L và đã có văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản.

Bà đã xây ngôi nhà gạch trên diện tích đất 40,9m², bà đề nghị tiếp tục quản lý sử dụng ngôi nhà trên. Còn đối với các diện tích đất khác, các anh em trong gia đình đã nhất trí để ông Quàng Văn L quản lý và sử dụng, không đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Nhất trí ý kiến của những người liên quan khác là toàn bộ các anh chị em đã thống nhất trí để ông Quàng Văn L được quản lý, sử dụng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận mang tên cụ Quàng Văn X. Sau khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật thì ông L, ông Y và bà sẽ tự thống nhất phân chia ranh giới nhà đất để tách bìa. Trong trường hợp Toà án chia thừa kế theo pháp luật, bà tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Quàng Văn L.

** Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị H trình bày:*

Bà không nhất trí đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn, lý do khi bố mẹ bà còn sống đã giao cho anh trai bà là Quàng Văn L được thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này và đã dặn lại Quàng Văn L cùng toàn thể anh chị em trong nhà là không được phân chia phần di sản này cho bất kỳ ai ngoài Quàng Văn L là anh trai bà và toàn bộ anh chị em đã thực hiện đúng lời dặn của bố mẹ. Toàn thể anh chị em đã thống nhất và giao phần di sản này cho anh trai bà là Quàng Văn L được hưởng thừa kế và sở hữu toàn bộ phần di sản này. Vì vậy bà khẳng định phần di sản này thuộc quyền sở hữu của anh trai bà là Quàng Văn L, anh Quàng Văn L là người duy nhất được hưởng thừa kế phần di sản này. Đối với diện tích đất trước đây ông T (đã mất) sử dụng là do anh em cho mượn đất để làm vườn và đối với các con ông X bà M đều đã chia đất cho làm nhà ổn định, diện tích đất còn lại đã thống nhất thuộc quyền quản lý sử dụng của một mình ông Quàng Văn L và đã có văn bản thoả thuận quyền thừa kế tài sản.

Bà nhất trí giao toàn bộ diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Quàng Văn X cho ông Quàng Văn L quản lý, sử dụng. Bà tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Quàng Văn L.

** Người làm chứng ông Lò Văn L trình bày:* Gia đình ông là hộ gia đình giáp ranh với gia đình ông Quàng Văn T. Nguồn gốc đất hiện nay gia đình ông T sinh sống là do gia đình ông khai phá. Khoảng năm 1983 -1984 HTX bản Bó Chiềng An có một khu đất sử dụng làm ao nhưng không có hiệu quả. Sau đó các gia đình có gia đình ông T bà T sử dụng đất sinh sống, canh tác. Thời gian đầu hợp tác xã không cho ở nhưng gia đình nào cũng khó khăn không có chỗ ở nên một thời gian sau bản, phường cũng giải quyết cho 06 hộ tiếp tục sinh sống. Đến khoảng năm 1998 thì gia đình ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông T, bà T cũng được cấp cùng thời điểm với gia đình ông.

** Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Đo đạc theo hiện trạng 05 vị trí, bao gồm:*

1. Vị trí số 1: Thừa đất số 2, 2a; tờ bản đồ số 356-16.

1.1. Về đất: Tổng diện tích đất theo hiện trạng là 3542,6m², bao gồm 400m² đất thổ cư + 2902,7m² đất trồng cây lâu năm. Không xác định được vị trí đất thổ cư; phía Bắc giáp đường nhựa đi vào khu dân cư; phía Nam giáp đất ông Lù Văn T; phía Tây giáp đất ông Quàng Văn H; phía Đông giáp đất ông Quàng Văn Y, Lù Văn T, Quàng Văn L.

1.2. Tài sản trên đất, bao gồm:

- 01 ngôi nhà ở tường 110mm, bở trụ 220mm, nền lát gạch ceramic mái lợp tôn và ngói, diện tích 137,2m² nhà của ông Quàng Văn Y.

- 01 ngôi nhà gạch chỉ 110mm bở trụ mái lợp tôn xã gỗ thép, nền lát gạch ceramic có diện tích 40,9m² nhà của bà Quàng Thị D.

- 01 ngôi nhà sàn gỗ cột vi kèo, xà gỗ, mái lợp ngói, sàn tre thung gỗ có diện tích 61,8m². Theo hiện trạng hiện nay ngôi nhà sàn đã được nhà sàn gỗ mới so với trước đây nhưng dựng trên nền nhà cũ nên diện tích không thay đổi.

1.3. Đối với tài sản trên đất là cây ăn quả, bao gồm:

01 cây sung cho quả trên 10 năm; 02 cây mít cho quả từ 05 đến 10 năm; 01 cây na cho quả từ 05 đến 10 năm; 01 cây đào cho quả từ 05 đến 10 năm; 02 cây bơ cho quả trên 10 năm; 35 cây nhãn cho quả trên 10 năm; 01 cây ổi cho quả trên 10 năm; 01 cây xoài cho quả từ 03 đến 05 năm; 01 cây mận cho quả từ 05 đến 10 năm; 03 cây chanh cho quả 05 đến 10 năm; 01 cây đu đủ cho quả dưới 03 năm; 01 cây sung cho quả 03 đến 05 năm; 03 cây mận cho quả 05 đến 10 năm; 50 cây chuối to; 40 cây chuối nhỏ; 25 cây bưởi cho quả dưới 03 năm; 07 cây xoài cho quả dưới 10 năm; 03 cây xoan to dưới 05 năm; 01 cây mít cho quả dưới 05 năm; 04 cây cam cho quả dưới 03 năm; 80 cây cà phê cho quả dưới 10 năm; 100 cây tre to; 03 cây vải cho quả dưới 10 năm; 01 cây khế cho quả dưới 10 năm; 01 cây cóc cho quả dưới 10 năm; 01 cây dâu da cho quả dưới 10 năm; 05 cây cóc cho quả dưới 10 năm; 03 cây nhót cho quả dưới 10 năm; 02 cây bưởi cho quả dưới 10 năm; 01 cây đào cho quả dưới 10 năm.

1.4. Về định giá tài sản các đương sự đều nhất trí theo biên bản thẩm định trước không có ý kiến đề nghị định giá lại.

2. Vị trí số 2 - Đất ruộng thứ 1: Thuộc thửa đất số 4; tờ bản đồ số 356-15; 356-10. Tổng diện tích theo hiện trạng là 975,8m² hiện do ông Quảng Văn L quản lý sử dụng, thời điểm đo đạc cho thuê trồng hoa, nay ông L sử dụng trồng ngô. Thửa đất có giáp ranh Lù Văn P, Lù Văn D, Lù Văn T, Quảng Văn S, Lèo Văn Đ, Lò Văn Đ, Tòng Văn P. Các đương sự đều thống nhất nhất trí về vị trí, diện tích thửa ruộng (1) như sơ đồ thể hiện và đều xác nhận không có tranh chấp với thửa đất của các hộ giáp ranh liền kề.

3. Vị trí số 3: Thửa ruộng thứ 2 + Thửa ruộng 3 thuộc thửa đất số 31, 32; tờ bản đồ số 356-9. Theo hiện trạng diện tích hiện nay là 192,2m² + 332,5m² = 524,7m².

Thửa đất diện tích 192,2m² giáp với các hộ gia đình ông Lù Văn P, Tòng Văn P, Lò Văn N, Quảng Văn Y. Thửa đất diện tích 332,5m² giáp với các hộ gia đình Lù Văn K, Lù Văn P, Quảng Văn Y, Lò Văn N, Lò Văn L, Lù Thị M. Hiện 02 thửa ruộng trên do ông Y bà X quản lý sử dụng. Các đương sự đều thống nhất nhất trí về vị trí, diện tích thửa ruộng (2+3) như sơ đồ thể hiện và đều xác nhận không có tranh chấp với thửa đất của các hộ giáp ranh liền kề.

4. Vị trí số 4 - Thửa đất nương thuộc thửa đất số 3; tờ bản đồ số SĐ, diện tích đất theo hiện trạng 532,8m² (thuộc xứ đồng Nong Lìn).

Thửa đất nương có giáp ranh với các hộ ông Quảng Văn L, Cà Văn P, Lò Thị N, Lù Văn N, Tòng Văn H, Quảng Văn B, Tòng Văn T. Hiện nay ông Quảng Văn Y quản lý sử dụng.

Trên đất nương có trồng cây cà phê, cây nhãn ...cụ thể: 71 cây nhãn cho quả > 10 năm; 03 cây ổi cho quả từ 05 đến 10 năm; 03 cây mận cho quả từ 03 đến 05 năm; 01 cây na cho quả từ 03 đến 05 năm.

Các đương sự đều thống nhất nhất trí về vị trí, diện tích thửa đất nương như sơ đồ thể hiện và đều xác nhận không có tranh chấp với thửa đất của các hộ giáp ranh liền kề. Các đương sự không có ý kiến gì về việc diện tích ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhất trí theo hiện trạng hiện nay.

5. Đối với diện tích đất nương theo hiện trạng đo là 3.295,4m² (xứ đồng Noong Lìn). Thửa đất nương có vị trí giáp ranh với các hộ gia đình ông Lù Văn Ú, Lù Văn H, Lò Thị Q, Lương Văn C, Quàng Văn C, Lù Văn C, Lương Văn Đ. Diện tích đất nương trên hiện do ông Quàng Văn Y quản lý sử dụng.

- Đối với diện tích đất này ông Quàng Văn L, Quàng Văn Y có ý kiến không thuộc diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quàng Văn X;

- Nguyên đơn bà Quàng Thị T, Quàng Thị H giữ nguyên quan điểm cho rằng đây là thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quàng Văn X, là cùng thửa đối với vị trí đất nương số 4 chứ không tách rời thành 2 mảnh. Nguyên đơn đề nghị xác định đây là di sản của ông Quàng Văn X và đề nghị chia thừa kế.

Kết quả định giá tài sản: Tại biên bản định giá tài sản ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản:

* Về tài sản trên đất (công trình nhà ở):

- 01 ngôi nhà ở tường 110mm, bở trụ 220mm, nền lát gạch ceramic mái lợp tôn và ngói, diện tích 137,2m² (được đầu tư xây dựng năm 1994) nhà của ông Quàng Văn Yên đến nay đã hết giá trị hao mòn, chỉ có giá trị sử dụng.

- 01 ngôi nhà gạch chỉ 110mm bở trụ mái lợp tôn xà gỗ thép, nền lát gạch ceramic có diện tích 40,9m² (được đầu tư xây dựng năm 2001), nhà của bà Quàng Thị Dung, đến nay đã hết giá trị hao mòn, chỉ có giá trị sử dụng.

- 01 ngôi nhà sàn gỗ cột vi kèo, xà gỗ, mái lợp ngói, sàn tre thưng gỗ có diện tích 61,8m² (được đầu tư xây dựng năm 2001) đã hết giá trị hao mòn chỉ còn giá trị sử dụng.

* Về đất:

- Đất ruộng: + Mảnh 1 diện tích 975,8m² x 45.000đ = 43.911.000đ.

+ Mảnh 2 diện tích 332,5m² x 45.000đ = 14.962.000đ.

+ Mảnh 3 diện tích 532,8m² x 45.000đ = 23.976.000đ.

+ Mảnh 4 diện tích 192,2m² x 45.000đ = 8.649.000đ.

- Đất trồng cây lâu năm:

- + Mảnh 1: Diện tích $3295,4m^2 \times 45.000đ = 48.293.000đ$.
- + Mảnh 2: Diện tích $2902,7m^2 \times 45.000đ = 130.621.500đ$.
- Căn cứ 03 phiếu khảo sát giá đất, có giá trị trung bình là $2.200.000đ \times 400m^2 = 880.000.000đ$ (tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

* Về cây ăn quả:

- Trên đất trồng cây lâu năm thửa có diện tích $3295,4m^2$ có tổng giá trị là 215.460.000đ.
- Trên đất ở và trồng cây lâu năm có tổng diện tích $3542,6m^2$ có tổng giá trị là 169.474.000đ.

* Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đều nhất trí với kết quả định giá ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá: Đối với đất thổ cư có giá trị 2.200.000đ/1m²; đối với đất lúa, đất nương, đất trồng cây lâu năm đều có giá 45.000đ/1m², làm căn cứ để tính giá trị đất khi chia thừa kế.

** Kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan:*

- Công văn số: 322/CNVPĐKĐĐTTP ngày 25/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sơn La: không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N561115 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 04/11/1998 cho ông Quàng Văn X.”;

- Công văn số: 76/CNVPĐKĐĐTTP ngày 22/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sơn La: Giấy chứng nhận cấp ngày 04/11/1998 hiện nay vẫn có giá trị pháp lý. Đến thời điểm 20/3/2024, chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sơn La chưa nhận được hồ sơ đăng ký biến động đất đai hay cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Quàng Văn X.

- Công văn số: 431/NNMT ngày 27/6/2025 của Phòng Nông nghiệp và môi trường UBND thành phố Sơn La: Do phải di chuyển cơ quan nhiều vị trí, cán bộ thực hiện thời điểm cấp giấy chứng nhận đã nghỉ hưu hoặc chuyển cơ quan. Đến nay không tìm được hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông Quàng Văn X để làm cơ sở xác định phần diện tích tăng thêm ở vị trí nào, thuộc quyền của ai, thuộc vị trí nào; trong công văn cũng không có nội dung trả lời theo yêu cầu của Tòa án về xác định vị trí đất thổ cư.

- Tại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N561115 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 04/11/1998 có ghi “cấp cho Chủ hộ ông Quàng Văn X.”. Tòa án đã tiến hành thu thập hồ sơ đề nghị cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quàng Văn X nhưng không còn lưu giữ. Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp sổ hộ khẩu của gia đình ông X ở thời điểm năm 1998 nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, kết quả cũng không thu thập được sổ hộ khẩu của

gia đình ông Quàng Văn X tại thời điểm năm 1998 và cũng không khai thác được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quàng Văn X.

- Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Tiến hành xác minh với ông Lương Văn Đ, tổ trưởng tổ, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La, kết quả: Đối với diện tích đất ruộng của ông Quàng Văn X được cấp theo nhân khẩu theo chính sách chung của Nhà nước từ năm 1998. Trong đó, ông X do là cán bộ hưu nên không được chia, bà M được chia 200m², các nhân khẩu khác mỗi người được chia 400m². Tại thời điểm đó hộ gia đình ông X bao gồm ông X, bà M, ông Quàng Văn L, ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị H. Ông Quàng Văn T khi đó đã ra ở riêng từ trước năm 1990, ông T, bà T đều là cán bộ nên không được chia đất ruộng. Đối với diện tích 400m² đất thổ cư, 1800m² đất trồng cây ăn quả, 736m² đất nương là do ông X, bà M tự khai phá; Ngoài diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X, hộ gia đình ông X còn được Hợp tác xã chia 100m² đất ruộng mạ và sử dụng ổn định. Sau khi ông X mất thì ông L, ông Y, bà D sinh sống ổn định trên đất. Ông L là người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ thờ cúng cho ông X, bà M, trực tiếp thực hiện các nghĩa vụ về đất theo quy định của Nhà nước.

- Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Chiềng An:

+ Về nguồn gốc đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quàng Văn X: Đối với diện tích đất ruộng của ông Quàng Văn X được cấp theo nhân khẩu theo chính sách chung của Nhà nước từ năm 1998. Trong đó, ông X do là cán bộ hưu nên không được chia, bà M được chia 200m², các nhân khẩu khác mỗi người được chia 400m². Tại thời điểm đó hộ gia đình ông X bao gồm ông X, bà M, ông Quàng Văn L, ông Quàng Văn H, bà Quàng Thị H. Ông Quàng Văn T khi đó đã ra ở riêng từ trước năm 1990, ông T, bà T đều là cán bộ nên không được chia đất ruộng. Đối với diện tích 400m² đất thổ cư, 1800m² đất trồng cây ăn quả, 736m² đất nương là do ông X, bà M tự khai phá;

+ Quá trình sử dụng đất sau khi ông Quàng Văn X mất thì ông Quàng Văn L là người thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến thuế đất theo quy định; Hiện không có lưu trữ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quàng Văn X

+ Đối với diện tích đất của ông X từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, không mua bán trao đổi đất với ai, không có tranh chấp ranh giới với hộ giáp ranh.

+ Đối với diện tích được cấp giấy chứng nhận của ông X, chính quyền địa phương cũng không nắm rõ quá trình đo đạc do không còn hồ sơ đề nghị cấp giấy CN của ông X. Tuy nhiên, ông Y đã ở ổn định trên đất từ trước đây. Sau khi ông X, bà M mất thì trên đất có ông Y, ông L, bà D cùng sinh sống ổn định; Chính quyền địa phương cũng không nắm được việc ông X bà M có chia đất ổn định cho các con trước khi mất không?

+ Theo xác minh tại chính quyền tổ bản thì năm 1998 hộ gia đình ông X có ông X, bà M, ông Y, ông L, bà H. Còn những người con khác đã lập gia đình ra ở riêng.

+ Đối với diện tích đất nương theo hiện trạng đo là 3.295,4m² (xứ đồng Noong Lìn: Không thuộc diện tích đất được cấp của ông Quảng Văn X, hiện do ông Quảng Văn Y quản lý sử dụng ổn định (chưa được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ), không có tranh chấp về ranh giới đối với hộ gia đình giáp ranh; Còn những diện tích vị trí đất khác theo đo vẽ phù hợp với bản đồ vị trí cấp giấy, đang được quản lý sử dụng ổn định không có tranh chấp với hộ giáp ranh;- Đối với đất ruộng vị trí số 01, thuộc thửa đất số 4; tờ bản đồ số 356-15; 356-10, do ông Quảng Văn L quản lý, sử dụng; Thửa ruộng thứ 2 + Thửa ruộng 3 thuộc thửa đất số 31, 32; tờ bản đồ số 356-9. Theo hiện trạng diện tích hiện nay là 192,2m² + 332,5m² = 524,7m² hiện do ông Quảng Văn Y sử dụng; Thửa đất nương thuộc thửa đất số 3; tờ bản đồ số SĐ, diện tích đất theo hiện trạng 532,8m² (thuộc xứ đồng Nong Lìn), hiện do ông Quảng Văn Y quản lý, sử dụng.

+ Đối với việc xác định vị trí đất thổ cư: Do quá trình đo vẽ từ khi cấp giấy đến hiện nay không còn lưu giữ hồ sơ đề nghị cấp giấy nên cũng không xác định chính xác vị trí đất thổ cư. Diện tích đất dư ra 1.342m² do các bên sử dụng ổn định, không có tranh chấp hộ giáp ranh, không phải đất quy hoạch, không phải đất rừng; có thể do quá trình đo vẽ ngày xưa có sai số.

+ Quá trình sử dụng đất của ông Quảng Văn X được thể hiện trong Sổ địa chính trang số 227, ngày vào sổ: 04/11/1998 theo Quyết định 264/QĐ-UB của UBND thị xã Sơn La ngày 04/11/1998. Thửa đất số 2,2a được thể hiện trên tờ bản đồ địa chính F-48-88-(356-16) diện tích lần lượt là 400m² và 1800m², thửa đất số 31+32 được thể hiện trên tờ bản đồ địa chính F-48-88-(356-9) là thửa số 32 diện tích 494m², thửa đất số 4 được thể hiện trên tờ bản đồ địa chính F-48-88-(356-15) diện tích 964 m² (Có hồ sơ kèm theo)

+ Quy định cụ thể về diện tích đất tối thiểu để tách thửa tại địa phương hiện nay? Căn cứ Quyết định số: 35/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh Sơn La: Căn cứ theo khoản 1 Điều 13 - Quyết định số: 35/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La về diện tích tách thửa tối thiểu tại địa phương thì “Diện tích đất ở sau khi tách thửa tối thiểu là 35 m² đồng thời trong ranh giới thửa đất phải bảo đảm dựng được hình chữ nhật có cạnh chiều rộng tối thiểu là 3,5 m”; Điều 14. Diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa đối với thửa đất có đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở (khoản 4 Điều 220 của Luật Đất đai năm 2024) là...; Điều 15 Quyết định 35/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La: Diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa đối với đất trồng cây lâu năm...là 500m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS - ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La xét xử và Quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 158, Điều 165, khoản 1 điều 166; khoản 1, khoản 2 điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 213, Điều 611, Điều 612, Điều 650, Điều 656, Điều 651, Điều 660, Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 646, Điều 649, Điều 651, Khoản 5 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn bà Lò Thị T, Quàng Thị Thu H, Quàng Thị G.

Nguyên đơn bà Quàng Thị T, Quàng Thị Thu H, Quàng Thị G được chia 01 kỷ phần thừa kế của cụ Quàng Văn X và cụ Quàng Thị M thành tiền là 110.440.888 đồng. Ông Quàng Văn L phải có trách nhiệm trả số tiền tương đương với kỷ phần thừa kế nguyên đơn được hưởng cho nguyên đơn là 110.440.888 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Quàng Văn L được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số N561115 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 04/11/1998 cùng tài sản gắn liền với đất cho ông Quàng Văn X. Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ông Quàng Văn Y, Quàng Văn L và bà Quàng Thị D(D) sẽ tự thỏa thuận phân chia diện tích có nhà, đất cụ thể để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn phải có trách nhiệm di dời cây cối, tài sản của nguyên đơn trên diện tích đất (đất vườn bưởi) thuộc thửa đất số 2, 2a; tờ bản đồ số 356 -16 (nếu có) và bàn giao lại diện tích đất nguyên đơn đang sử dụng trên thửa đất số 2, 2a; tờ bản đồ số 356 -16 cho ông Quàng Văn L quản lý, sử dụng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Quàng Thị V(B), Quàng Thị H, Quàng Thị H, ông Quàng Văn H tự nguyện tặng cho phần kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Quàng Văn L.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không yêu cầu chia di sản thừa kế đối với tài sản trên đất là 01 ngôi nhà sàn và cây cối trồng trên đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị chia di sản thừa kế đối với: 1102,7m² đất trồng cây lâu năm tại tờ bản đồ số 356-16; 1258m² đất lúa; 3.295,4m² đất nương xứ đồng Noong Lìn: Những người hiện đang quản lý, sử dụng những vị trí, diện tích đất trên được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự theo quy định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 29/9/2025, nguyên đơn bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị Gg có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung không đồng ý về việc phân chia kỹ phần thừa kế của cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự không tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo, đề nghị chia lại kỹ phần thừa kế của hai cụ Quàng Văn X và cụ Quàng Thị M theo thực trạng đất đã được xem xét thẩm định tại chỗ là di sản thừa kế và không nhất trí ông Quàng Văn L được hưởng 02 kỹ phần thừa kế.

- Bị đơn: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị V: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên: Việc tuân theo và chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định đảm bảo về hình thức, không có căn cứ chấp nhận về nội dung.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS - ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2021 của bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị G. Yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của hai cụ Quàng Văn X và Quàng Thị M theo pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ dân phố , phường Chiềng An, tỉnh

Sơn La. Tòa án nhân dân khu vực 1- Sơn La thụ lý sơ thẩm để giải quyết vụ án; Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và xác định quan hệ pháp luật là có căn cứ, đúng quy định, đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5, khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thủ tục giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của Tòa án cấp sơ thẩm đúng theo trình tự tố tụng được quy định tại phần thứ hai của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS - ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La đã tuyên quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định. Đến ngày 29/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 1- Sơn La nhận được đơn kháng cáo của bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị G. Nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đúng nội dung, trình tự, trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức, đúng chủ thể, đảm bảo về thủ tục và nội dung theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lò Thị T có đơn xét xử vắng mặt và đã ủy quyền cho chị Quàng Thị Thu H, những người có quyền lợi liên quan bà Quàng Thị D, bà Quàng Thị H, bà Quàng Thị H, ông Quàng Văn Y và bà Lò Thị X, ông Quàng Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lò Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

2.1. Xét thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế, di sản thừa kế, thời hiệu khởi kiện.

Cụ Quàng Văn X (chết ngày 04/03/2012) thời điểm mở thừa kế là ngày 04/3/2012, cụ Quàng Thị M (chết ngày 01/8/2012) thời điểm mở thừa kế là ngày 01/8/2012. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm mở thừa kế đúng theo quy định tại Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015. Các đương sự đều thống nhất về thời điểm cụ Quàng Văn X, cụ Quàng Thị M chết, hai cụ có 09 người con, trong đó có ông Quàng Văn H chết năm 2008, ông Quàng Văn T chết năm 2019.

Cụ Quàng Văn X (chết ngày 04/03/2012) khi chết cụ không để lại di chúc, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ X là cụ Quàng Thị M cùng các con là ông Quàng Văn L, ông Quàng Văn H, ông Quàng Văn T (chết

năm 2019), bà Quàng Thị B, bà Quàng Thị D, ông Quàng Văn Y, bà Quàng Thị H, bà Quàng Thị H.

Cụ Quàng Thị Mẫn (chết ngày 01/8/2012) khi chết cụ không để lại di chúc, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ M là ông Quàng Văn L, ông Quàng Văn H, ông Quàng Văn T (chết năm 2019), bà Quàng Thị B, bà Quàng Thị D, ông Quàng Văn Y, bà Quàng Thị H, bà Quàng Thị H.

Ông Quàng Văn T chết năm 2019 không để lại di chúc, có vợ là bà Lò Thị T và 02 người con là chị Quàng Thị Thu H và chị Quàng Thị G. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà T, chị H, chị G được hưởng 01 kỷ phần tài sản thừa kế mà ông T được hưởng của cụ X và cụ M.

Ông Quàng Văn H chết năm 2008, không có vợ, con, trước thời điểm mở thừa kế nên căn cứ Điều 613 Bộ luật Dân sự năm 2015 không thuộc diện thừa kế tài sản của cụ X và cụ M là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm, xác định di sản thừa kế của cụ Xùm là $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung vợ chồng của cụ X và cụ M để chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quàng Văn X; $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung của cụ X, cụ M là tài sản chung vợ chồng của cụ M là đúng với quy định tại Điều 213, Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của vợ chồng cụ Quàng Văn X (chết ngày 04/03/2012), thời điểm mở thừa kế của cụ X là ngày 04/3/2012, và cụ Quàng Thị M (chết ngày 01/8/2012) thời điểm mở thừa kế của cụ M là ngày 01/8/2012. Ngày 05/7/2021 nguyên đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân khu vực 1- Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 việc khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu. Do cụ X, cụ M chết không để lại di chúc, căn cứ Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

2.2. Xác định di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện, việc thanh toán phân chia di sản thừa kế của cụ Quàng Văn X và cụ Quàng Thị M chết để lại không có di chúc:

Di sản thừa kế của cụ Quàng Văn X và cụ Quàng Thị M chết để lại không có di chúc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật gồm có. 01 ngôi nhà sàn và thửa đất rộng 4394m² mang tên Quàng Văn X tại địa chỉ bản B, xã Chiềng An, thị xã Sơn La theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số N561115 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 04/11/1998 cùng tài sản gắn liền với đất". Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện có 04 vị trí đất bao gồm: (1) 400m² đất ở tại thửa số 2, tờ bản đồ số 356-16; 1800m² đất cây ăn quả tại thửa số 2, tờ bản đồ số 356-16; (2)

494m² đất lúa thừa 31-32, tờ bản đồ số 356-9; (3) 964m² đất lúa thừa số 4, tờ bản đồ số 356-15; 356-10; (4) 736m² đất nương, thừa số 3, tờ bản đồ số SD.

Về phương thức chia di sản thừa kế: Tòa án cấp sơ thẩm không chia thừa kế bằng hiện vật do không đủ diện tích đất để tách thửa đất theo quy định, mà căn cứ trên giá trị tài sản các bên đã nhất trí định giá để chia thành tiền cho các đồng thừa kế là đúng quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật đất đai năm 2024. Quyết định số: 35/2024/QĐ-UBND ngày 25/9/2024 của UBND tỉnh Sơn La quy định về diện tích tách thửa tối thiểu.

Về phân chia di sản thừa kế, công sức tôn tạo quản lý di sản: Do cụ Quàng Văn X, Quàng Thị M khi chết không để lại di chúc bằng văn bản, di chúc miệng không được công nhận hợp pháp theo quy định. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia di sản theo pháp luật của nguyên đơn. Khi phân chia di sản thừa kế Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến công sức giữ gìn, tu bổ, bảo quản đất cũng như nghĩa vụ đối với ông Quàng Văn L là người trực tiếp quản lý di sản của các cụ theo sự nhất trí thống nhất của các anh em trong nhà cho đến nay. Cấp sơ thẩm chia thêm cho ông Quàng Văn L 01 kỷ phần là đúng quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự. Đối với chia di sản của cụ Quàng Văn X được chia làm 10 kỷ phần bằng nhau, cụ Quàng Thị M và các con mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, ông L được hưởng 02 kỷ phần. Đối với chia di sản của cụ Quàng Thị M, được chia làm 09 kỷ phần bằng nhau cho các con, ông L được hưởng 02 kỷ phần cấp sơ thẩm phân chia .

- Tại lần mở thừa kế thứ nhất, khi cụ X chết (ngày 04/3/2012), tổng tài sản của cụ X và cụ M xác định chia thừa kế bao gồm:

(1) 400m² đất ở tại thửa 02, số tờ bản đồ 356-16: Tại biên bản định giá, các đương sự đều nhất trí đối với trị giá đất thổ cư do Hội đồng định giá xác định là 400m² x 2.200.000đ/1m² = 880.000.000đ (tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

(2) 1.800m² diện tích đất trồng cây lâu năm có số thửa 02a, số tờ bản đồ 356-16, cùng vị trí thửa đất ở: Kết quả định giá đất trồng cây lâu năm có giá 45.000đ/1m² các đương sự nhất trí không có ý kiến khác, như vậy giá trị sẽ là: 1800m² x 45.000đ = 81.000.000đ.

(3) 736m² đất nương thuộc thửa đất số 3; tờ bản đồ số SD, diện tích đất theo hiện trạng 532,8m² (thuộc xứ đồng Nong Lìn): Các đương sự đều nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá 532,8m² x 45.000đ/1m² = 23.976.000đ.

Tổng giá trị tài sản của hai cụ X, cụ M sẽ là: 880.000.000đ + 81.000.000đ + 23.976.000đ = 984.976.000đ.

Tổng giá trị tài sản của hai cụ sẽ được chia $\frac{1}{2}$ là tài sản chung vợ chồng cho cụ Quàng Thị M là 984.976.000đ/2 = 492.488.000đ. $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung còn lại là 492.488.000đ được xác định là di sản chia thừa kế của cụ Quàng Văn

X, được chia làm 10 phần cho cụ Quàng Thị M, cùng các con là Quàng Văn L, Quàng Văn , Quàng Văn T (chết năm 2019), Quàng Thị B, Quàng Thị D, Quàng Văn Y, Quàng Thị H, Quàng Thị H: $492.488.000\text{đ}/10 = 49.248.000/1$ kỷ phần.

Như vậy, tại lần mở thừa kế thứ nhất, cụ Quàng Thị M được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung trị giá $492.488.000\text{đ} + 49.248.000/1$ kỷ phần thừa kế của cụ Quàng Văn X, tổng trị giá: $541.736.000\text{đ}$.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quàng Văn X là ông Quàng Văn H, Quàng Thị B, Quàng Thị D, Quàng Văn Y, Quàng Thị H, Quàng Thị H, Quàng Văn Th được hưởng mỗi người 01 kỷ phần thừa kế trị giá $49.248.000/1$ kỷ phần, ông Quàng Văn L được hưởng 02 kỷ phần trị giá $98.496.000\text{đ}$.

- Tại lần mở thừa kế thứ hai, khi cụ M chết (ngày 01/8/2012): xác định di sản chia thừa kế của cụ Quàng Thị M bao gồm:

(1) Tài sản của cụ M được chia sau lần chia thừa kế thứ nhất, trị giá: $541.736.000\text{đ}$.

(2) 200m² đất lúa trong tổng số: 494m² đất lúa thửa 31-32, tờ bản đồ số 356-9; (2) 964m² đất lúa thửa số 4, tờ bản đồ số 356-15; 356-10; các đương sự đều nhất trí với mức giá $45.000\text{đ}/1\text{m}^2$, vậy trị giá 200m² đất lúa sẽ là: $45.000\text{đ}/1\text{m}^2 \times 200\text{m}^2 = 9.000.000\text{đ}$.

Như vậy tổng di sản chia thừa kế của cụ Quàng Thị M sẽ là: $541.736.000\text{đ} + 9.000.000\text{đ} = 550.736.000\text{đ}$.

Di sản của cụ M được chia làm 09 kỷ phần cho những người thừa kế: $550.736.000\text{đ}/9 = 61.192.888\text{đ}/1$ kỷ phần.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Quàng Thị M là ông Quàng Văn H, Quàng Thị B, Quàng Thị D, Quàng Văn Y, Quàng Thị H, Quàng Thị H, Quàng Văn T được hưởng mỗi người 01 kỷ phần thừa kế trị giá $61.192.888\text{đ}/1$ kỷ phần. Ông Quàng Văn L được hưởng 02 kỷ phần trị giá $122.385.776\text{đ}$.

Bà Lò Thị T, Quàng Thị Thu H, Quàng Thị G được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của cụ Quàng Văn X và cụ Quàng Thị M, tổng cộng là: $49.248.000 + 61.192.888\text{đ} = 110.440.888\text{đ}$.

Đối với bà Quàng Thị V (B), Quàng Thị H, Quàng Thị H, ông Quàng Văn H: Mỗi người được hưởng 01 kỷ phần thừa kế $= 110.440.977\text{đ}$. Tuy nhiên, bà V (B), bà H, bà H, ông H đều đã có gia đình, có chỗ ở ổn định riêng, đề nghị không nhận di sản thừa kế bằng tiền hay hiện vật mà tự nguyện tặng cho ông Quàng Văn L quản lý và sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện của bà Quàng Thị B, Quàng Thị H, Quàng Thị H, ông Quàng Văn H tự nguyện tặng cho phân kỷ phần thừa kế của mình được hưởng cho ông Quàng Văn Liên là có căn cứ.

Do nguyên đơn đã có chỗ ở ổn định, bị đơn, người liên quan (ông Quảng Văn L, ông Quảng Văn Y, bà Quảng Thị D(D) cũng đã sinh sống, quản lý, sử dụng ổn định các vị trí đất đề nghị chia di sản thừa kế, các vị trí đất cũng không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định. Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế bằng tiền theo giá trị di sản được chia đã được Hội đồng định giá thông qua kết luận các đương sự đều nhất trí. Do tất cả các đồng thừa kế đều nhất trí giao cho một mình ông Quảng Văn L được quản lý, sử dụng đất nên ông Quảng Văn L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có trách nhiệm thanh toán số tiền chia thừa kế cho nguyên đơn là 110.440.888 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã thanh toán phân chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế và chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự theo đúng quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự.

2.3. Việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18/9/2025, nguyên đơn tự nguyện đề nghị rút một phần yêu cầu chia tài sản thừa kế đối với: Tài sản 01 ngôi nhà sàn có diện tích 61,8m² và rút yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản là cây trồng trên diện tích đất của cụ Quảng Văn X và Quảng Thị M. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế là tài sản trên đất đối với 01 ngôi nhà sàn và tài sản là cây cối trồng trên đất là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2.4. Xét yêu cầu bổ sung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ không chấp nhận chia di sản thừa kế đối với những diện tích đất sau:

- Thứ nhất, đối với thửa đất số 2, 2a; tờ bản đồ số 356-16: Tổng diện tích đất theo hiện trạng là 3542,6m², bao gồm 400m² đất thổ cư + 2902,7m² đất trồng cây lâu năm, không xác định được vị trí đất thổ cư. Hội đồng xét xử chỉ xem xét chia di sản thừa kế đối với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (400m² đất thổ cư và 1800m² đất trồng cây lâu năm), không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với diện tích dư ra là 1102,7m² là đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 2, 2a, tờ bản đồ số 356-16.

- Thứ hai, đối với vị trí đất ruộng số 2, 3, bao gồm (1) 494m² đất lúa thửa 31-32, tờ bản đồ số 356-9; (2) 964m² đất lúa thửa số 4, tờ bản đồ số 356-15; 356-10: Chấp nhận chia di sản thừa kế đối với 200m² đất lúa là di sản của cụ Quảng Thị M, diện tích đất lúa 1258m² còn lại được cấp cho nhân khẩu trong hộ gia đình nên không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

- Thứ ba, đối với diện tích đất nương theo hiện trạng đo là 3.295,4m² (xứ đồng Noong Lìn): Đối với diện tích đất nương đo thực tế 3.295,4m² (xứ đồng Noong Lìn), không thuộc diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Quảng Văn X.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm và các đương sự chưa có đủ căn cứ chứng minh xác định là di sản chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn trong vụ án, những người hiện đang quản lý, sử dụng những diện tích đất trên

tiếp tục quản lý, sử dụng. Về việc bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên toà sơ thẩm ngày 18/9/2025: Đối với diện tích đất dư ra theo đo đạc hiện trạng thực tế so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định toàn bộ diện tích đã đo đạc được các bên thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định và đo đạc ngày 16/6/2022 là di sản và chia thừa kế toàn bộ diện tích đất đai đã được đo. Xét thấy, tại phiên toà sơ thẩm ngày 30/10/2024; phiên toà sơ thẩm ngày 02/12/2024, ngày 02/01/2025, ngày 04/8/2025 nguyên đơn đều giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là đề nghị đề nghị chia thừa kế là “01 ngôi nhà sàn và diện tích đất *“theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” số N561115 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 04/11/1998 cùng tài sản gắn liền với đất*”. Việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên toà sơ thẩm ngày 18/9/2025 là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 5, Điều 188, khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với toàn bộ diện tích đất theo đo đạc hiện trạng thực tế do vượt quá yêu cầu khởi kiện. Mặt khác các đương sự chưa xác định được tài sản đang tranh chấp là di sản thừa kế, đối với diện tích đất dư ra không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Quảng Văn X hoặc là đất được cấp theo nhân khẩu trong hộ gia đình theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với toàn bộ diện tích đất theo đo đạc hiện trạng thực tế và nhận định. Nếu có tranh chấp, các đương sự đề nghị, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết tại một vụ án khác theo quy định, là đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới bổ sung cho đơn kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lò Thị T, chị Quảng Thị Thu H, chị Quảng Thị G. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tại phiên toà.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nguyên đơn bà Lò Thị T, chị Quảng Thị Thu H, chị Quảng Thị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm e khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự: Điểm e khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ - UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo nguyên đơn bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị G. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Sơn La.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Lò Thị T, chị Quàng Thị Thu H, chị Quàng Thị G đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000257 ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 06/01/2026).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 1- Sơn La;
- VKSND khu vực 1- Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Phòng KTNV-THADS;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Tuấn Long

